TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Trình**

Ông **Mai Văn Du**

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuân Lành – kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐHPT- HNGĐ ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1990; Địa chỉ: 1xx , phường P, quận C, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cảnh S, sinh năm: 1985. Địa chỉ: 2xx LTT, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2023, bản tự khai đề ngày 17/3/2023 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều Tr trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Nguyễn Cảnh S kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận C, TP. Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại phường P. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả nhau, ông S thường nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập vợ con, gây áp lực, nhiều lần đe dọa giết bà Tr, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống không phù hợp, mâu thuẫn trầm trọng. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà Tr cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Cảnh S.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 và Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018. Khi khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.750.000 đồng. Tại phiên tòa, bà đồng ý yêu cầu mỗi người nuôi một con của ông S, bà yêu cầu Tòa án giao con tên Nguyễn Thị Kiều P cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, ông S nuôi con Nguyễn Cảnh D. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 17/3/2023, ngày 29/5/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Cảnh S trình bày:*** Về thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như vợ ông đã trình bày là đúng. Vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì, vợ đã đưa đơn ra Tòa nhiều lần nhưng ông vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của vợ ông Nguyễn Thị Kiều Tr. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không nói chuyện được với nhau nhưng ông không ly hôn vợ. Nay bà Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng ông được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Ông S xác định ông và bà Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 và Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018. Nếu phải ly hôn ông cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình hòa giải vợ chồng ông thống nhất mỗi người nuôi một con, ông sẽ nuôi con tên Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018, con gái Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 sẽ do bà Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không ai cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung: Ông S đồng ý đề nghị của vợ, ông đồng ý giao toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong nhà gồm ti vi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, bếp ga, giường ngủ giao cho vợ sử dụng, sở hữu; ông nhận xe Airblack biển số 43-G1 205.33. Nhưng nay vợ không yêu cầu Tòa án giải quyết thì ông cũng không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều Tr đối với ông Nguyễn Cảnh S.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con tên Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 cho Bà Kiều Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con tên Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều Tr khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Cảnh S để yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Nguyễn Cảnh S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng vào năm 2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại phường P Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả nhau. Nguyên nhân theo bà Tr xác định là do ông S thường xuyên chửi mắng vợ, đuổi đánh vợ ra khỏi nhà, đe dọa gây áp lực cho bà Tr, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, phần ai nấy sống; bà đã thuê nhà ở riêng và sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà Tr đã nhiều lần khuyên răn chồng và cũng đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhiều lần và rút đơn để tạo điều kiện cho ông S thay đổi, cải thiện để cùng chăm lo gia đình nhưng ông S vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi; vợ chồng không thể hòa hợp, hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn kéo dài. Nay bà Tr xác định không còn tình cảm, yêu thương ông S nữa, vợ chồng không còn tình nghĩa nên bà Nguyễn Thị Kiều Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Cảnh S.

Xét yêu cầu đoàn tụ của ông Nguyễn Cảnh S thì thấy: Ông S cho rằng còn yêu thương bà Tr và mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng chăm lo hạnh phúc nhưng bà Trang trước đây đã có yêu cầu ly hôn và nộp đơn 2 lần, sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho ông Sơn thay đổi tính tình, chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy vậy, ông Sơn không thay đổi, không có động thái nào để hàn gắn quan hệ gia đình, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà Tr không cải thiện được. Do đó, yêu cầu đoàn tụ của ông S không được chấp nhận.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi vợ chồng ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị Kiều Tr sinh sống, thuộc tổ số XX, phường P, quận C xác định ông Nguyễn Cảnh S và bà Nguyễn Thị Kiều Tr thuê nhà và sống chung tại địa phương,

nhưng ông S đi làm trong quân đội và không về nhà, chỉ có bà Tr thuê nhà sống cùng các con. Quá trình chung sống tại địa phương ông S và bà Tr có mâu thuẫn với nhau, thường hay cãi vả, ông Sơn ít khi về nhà nhưng khi về thì thường gây gỗ, đánh đập bà Tr, không chăm lo cho gia đình, con cái. Bà Tr đã nộp đơn ly hôn những lần trước nhưng chưa giải quyết được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo cơ hội cho hai bên có thời gian hàn gắn, nhưng ông S và bà Tr đã không thể hàn gắn tình cảm, tại phiên hòa giải hai bên không đi đến được sự thống nhất để hàn gắn tình cảm gia đình, cùng nhau chăm lo cuộc sống, nuôi dạy con cái. Do đó, quan hệ vợ chồng đã rạn nứt, không thể níu kéo tình cảm nên hòa giải không thành, mâu thuẫn không giải quyết được.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông S đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể tự hòa giải để hàn gắn tình cảm, không hòa hợp trong cách sống và ứng xử; không còn quan tâm thương yêu nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều Tr đối với ông Nguyễn Cảnh S là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr và Ông Nguyễn Cảnh S có với nhau 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 và Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018. Khi khởi kiện ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.750.000 đồng.

Nhưng sau đó ông S cũng yêu cầu nuôi con nên bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị Kiều P và đề nghị Tòa án giao con tên Nguyễn Cảnh D cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thay đổi yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà Tr được ông S đồng ý và không có ý kiến gì. Việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia nuôi dưỡng con cái thể hiện các bên đã có ý chí thống nhất nhau và không có tranh chấp về vấn đề nuôi dưỡng con chung; con trai ở với ba, con gái ở với mẹ, thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp quy định của pháp luật và đồng thời cũng phù hợp với cuộc sống hiện tại của các cháu nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: giao con Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng và giao con tên Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Nguyễn Thị Kiều Tr và ông Nguyễn Cảnh S đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu theo quy định của pháp luật. nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009356 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều Tr đối với ông Nguyễn Cảnh S về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kiều Tr được ly hôn ông Nguyễn Cảnh S. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/2015, đăng ký ngày 11/6/2015 tại UBND phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: giao con tên Nguyễn Thị Kiều P, sinh ngày 20/4/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều Tr trực tiếp nuôi dưỡng và giao con tên Nguyễn Cảnh D, sinh ngày 12/02/2018 cho ông Nguyễn Cảnh S trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009356 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Bà Nguyễn Thị Kiều Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/6/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND phường P, quận C
(Số ĐKKH: 69/2015, ngày 11/6/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**